# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM TẠI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**Ngô Trí Dương[1], Nguyễn Thị Thu Huyền[1], Lê Thị Quỳnh Trang[1], Nguyễn Minh Đức[2], Nguyễn Thọ Quang Anh[2*]**

*[1]Trung tâm Đào tạo kỹ năng mềm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*
*[2]Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*[*]Tác giả liên hệ: quanganh@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 04.06.2023 Ngày chấp nhận đăng: 05.10.2023

## TÓM TẮT

Kỹ năng mềm được cho là kỹ năng quyết định tới thành công của con người. Việc giảng dạy kỹ năng mềm trong trường đại học giúp sinh viên nâng cao kỹ năng cần thiết cho cuộc sống và công việc. Nghiên cứu này với mục tiêu đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo kỹ năng mềm tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, từ đó đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng đào kỹ năng mềm. Nghiên cứu sử dụng số liệu điều tra từ 493 sinh viên, 23 giảng viên và 32 nhà tuyển dụng, phương pháp thống kê mô tả là phương pháp phân tích chính để phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm. Nghiên cứu cho thấy Học viện Nông nghiệp Việt Nam đào tạo kỹ năng mềm từ năm 2016 với 10 kỹ năng theo chuẩn đầu ra. Sau 6 năm đã đào tạo được hơn 61 nghìn lượt sinh viên. Qua đánh giá của nhà tuyển dụng, giáo viên, sinh viên thì 70% số người được hỏi đều đánh giá tốt và rất tốt về chất lượng đào tạo kỹ năng mềm. Tuy nhiên để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo kỹ năng mềm tại Học viện cần tập trung vào các giải pháp về chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá, cơ sở vật chất, giáo viên giảng dạy, phương pháp giảng dạy, chính sách về tài chính, từ đó có thể nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ khóa: Kỹ năng mềm, nâng cao chất lượng, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

## Solutions to Enhancing the Quality of Soft Skills Training at the Vietnam National University of Agriculture

## ABSTRACT

Soft skills are considered essential for individual success. Teaching soft skills in universities helps students enhance their soft skills and provides necessary complement to hard skills. This study aimed to assess the current status of soft skills training quality at the Vietnam National University of Agriculture and propose solutions to enhance the quality of soft skills training. The study conducted survey from 493 students, 23 lecturers, and 32 employers, and employed descriptive statistical methods, particularly principal component analysis, to analyze the current situation and factors influencing the improvement of the quality of soft skills training. The research revealed that the Vietnam National University of Agriculture has been offering soft skills training since 2016, covering 10 skills according to the learning outcome standards. Over 6 years training, more than 61,000 students were trained for soft skills. Based on evaluation from employers, teachers, and students, 70% of them were rated good or excellent for the quality of soft skills training. However, to further improve the quality of soft skills training at the university, it is necessary to focus on solutions related to program design, training organization, evaluation methods, infrastructure, teaching faculty, teaching methods, policies, and financial support. These efforts will contribute to enhancing the overall training quality.

Keywords: Soft skills, enhancing the quality, Vietnam National University of Agriculture.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, để đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng về nhân viên của mình không những có chuyên môn, kiến thức mà cần cả kỹ năng mềm (KNM) tốt (Nguyễn Thị Huyền Trang & cs., 2022). Cùng với đó, KNM được cho

là quyết định tới 75% thành công của con người, còn kỹ năng cứng chỉ chiếm 25% (Nguyễn Công Duy & Nguyễn Hoàng Trang, 2021). Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Kiều Nga & Huỳnh Thanh Vũ (2019) KNM là những kỹ năng giúp con người tự quản lí chính bản thân mình và tương tác với những người xung quanh để thành công trong công việc cũng như trong cuộc sống. KNM thường khó quy chuẩn, phụ thuộc rất nhiều vào đối tượng tương tác và khó có thể đo được. KNM được sử dụng mọi lúc, mọi nơi và suốt đời. Hơn nữa, theo mức độ thành đạt và trưởng thành về tuổi tác, tỉ trọng sử dụng KNM ngày càng nhiều hơn. Như vậy, KNM đóng vai trò quan trọng đối với cuộc sống của con người.

Khái niệm KNM có thể so sánh với khái niệm kỹ năng sống do World Health Organization Division of Mental (1994) đề xuất, định nghĩa chúng là một tập hợp các kỹ năng xã hội - tình cảm cần thiết để tương tác với người khác và giúp có thể đối phó với các nhu cầu hàng ngày và tình huống khó khăn. Bên cạnh đó, khái niệm KNM khác với khái niệm kỹ năng xã hội, bởi vì mặc dù chúng là những khái niệm chung thường được đánh đồng, nhưng điều quan trọng là phải làm rõ kỹ năng xã hội là một phần của KNM nhưng KNM được hình thành thêm bởi các kỹ năng học hỏi, phân tích, quản lý thời gian và đổi mới (Guerra-Báez, 2019). Có nhiều quan điểm khác nhau về định nghĩa KNM, nhưng các định nghĩa thường có điểm chung về diễn tả các khía cạnh của các KNM cũng như dựa trên mục đích sử dụng (Mcmillan & Hearn, 2008). Tuy nhiên, khái niệm được dùng phổ biến hiện nay cho rằng KNM là kĩ năng thuộc về tính cách của con người, những hành vi ứng xử, giao tiếp tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng kiến thức kỹ thuật cần thiết để thực hiện hiệu quả một nhiệm vụ (Crosbie, 2005; Kantrowitz, 2005). KNM có thể được cải thiện thông qua quá trình tự học hỏi, nhưng phổ biến hiện nay các KNM được nâng cao qua quá trình đào tạo chính quy.

Mặt khác, giáo dục đại học luôn giữ vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực theo các lĩnh vực chuyên môn cho sinh viên, đồng thời cũng là "cái nôi" để hình thành nên nhân cách, những giá trị sẽ tham gia vào thị trường lao động sau này (Nguyễn Công Duy & Nguyễn Hoàng Trang, 2021). Việc phát triển các kỹ năng mềm cho sinh viên ở các trường cũng là cần thiết để thúc đẩy năng lực tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân cho sinh viên để sớm thích ứng với môi trường nghề nghiệp sau này. Thêm vào đó, đi đôi với đào tạo và phát triển KNM cho sinh viên, thì quá trình đào tạo cũng phải từng bước nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng.

Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề quan trọng nhất của các cơ sở đào tạo và là mục tiêu mà tất cả các nhà trường cần hướng tới (Nguyễn Bá Huân & Bùi Thị Ngọc Thoa, 2018). Việc phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo bao giờ cũng được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác quản lý của các cơ sở đào tạo nói chung và trường đại học nói riêng (Võ Như Tiến, 2011). Mặc dù có nhiều định nghĩa, cách hiểu khác nhau nhưng có thể khái quát: Chất lượng đào tạo là sự phù hợp với mục tiêu đề ra qua sự đánh giá của người dạy, người học, người quản lý và người sử dụng sản phẩm đào tạo (Nguyễn Bá Huân & Bùi Thị Ngọc Thoa, 2018). Đào tạo KNM ở Việt Nam hiện nay vẫn còn gặp một số hạn chế như: một số khóa học đào tạo KNM có chất lượng không đảm bảo, do thiếu nguồn lực và chưa có tiêu chuẩn chung. Việc đào tạo đủ lượng người có kiến thức và kỹ năng để truyền đạt các KNM vẫn đang gặp khó khăn. Một số sinh viên sau khi hoàn thành khóa học KNM không thể áp dụng hiệu quả những kỹ năng đã học vào thực tế công việc (Nguyễn Công Duy & Nguyễn Hoàng Trang, 2021). Nâng cao chất lượng đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học không những đáp ứng nhu cầu của xã hội về chất lượng nhân lực đào tạo, mà còn chính là uy tín, là sức hút để sinh viên đăng ký học tại các trường đại học.

Nhận thức được tầm quan trọng của KNM đối với sinh viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (HVN) đã chính thức đào tạo KNM cho sinh viên từ năm 2016, đây cũng là chuẩn đầu ra bắt buộc đối với sinh viên của Học viện. Đến nay, sau 7 năm đào tạo KNM, việc đánh giá cụ thể về thực trạng đào tạo KNM của Học viện, từ đó xác định được các điểm mạnh, điểm yếu để nâng cao chất lượng đào tạo KNM.

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng đào tạo và chất lượng đào tạo KNM của HVN. Từ đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo KNM của HVN trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp về mặt thực tiễn mà còn góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng đào tạo KNM.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các đối tượng khảo sát bao gồm giáo viên, sinh viên của HVN, các nhà tuyển dụng có sử dụng cựu sinh viên học KNM tại Học viện. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, theo đó có 493 sinh viên đang học và đã học KNM tại HVN đồng ý cung cấp thông tin. Cùng với đó 23 giáo viên đã và đang giảng dạy KNM cung cấp thông tin trong nghiên cứu. Bên cạnh đó số lượng nhà tuyển dụng cung cấp thông tin là 32 chủ doanh nghiệp.

Thêm vào đó các số liệu về kết quả đào tạo KNM được tổng hợp từ dữ liệu điểm của Ban Quản lý đào tạo. Ngoài ra, các dữ liệu đánh giá của sinh viên sau khi kết thúc lớp học cũng được lựa chọn đưa vào nghiên cứu.

### 2.2. Phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả là phương pháp chính dùng để phân tích kết quả cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng đào tạo KNM tại HVN.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Thực trạng đào tạo và chất lượng đào tạo KNM của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

#### *3.1.1. Kết quả đào tạo KNM của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016-2022*

Với mục tiêu chú trọng tăng cường đào tạo KNM cho sinh viên HVN đã thành lập Trung tâm Đào tạo KNM và từ học kỳ 2 năm học 2016-2017, Học viện bắt đầu đào tạo KNM cho sinh viên và KNM là một yếu tố chuẩn đầu ra cho tất cả sinh viên từ khoá 61 đến nay.

Với 06 KNM được xây dựng ban đầu bao gồm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hội nhập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý bản thân và kỹ năng tìm kiếm việc làm, đến nay Trung tâm Đào tạo KNM đã và đang đào tạo 10 kỹ năng khác nhau, cùng với đó là các kỹ năng được đặt hàng riêng của sinh viên và các đối tượng khác. Các kỹ năng này đã đáp ứng được nhu cầu của sinh viên về học tập KNM cũng như các nhà tuyển dụng về nội dung giảng dạy KNM.

Đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn KNM hiện tại là các giảng viên tại HVN, chuyên gia về KNM tại các trung tâm có uy tín trong nước về giảng dạy KNM. Đội ngũ giảng viên được tham gia tập huấn hàng năm về KNM để nâng cao năng lực đào tạo KNM.

Qua 06 năm đào tạo KNM, HVN đã đào tạo được trên 61 nghìn lượt sinh viên học KNM. Kỳ II năm học 2016-2017 là năm học bắt đầu đào tạo KNM, do đó số lượt đào tạo chỉ là 1.428, đến các năm học sau số lượt đào tạo KNM đều đạt từ 11 nghìn, trong đó các năm 2020-2021, 2021-2022 là những năm có số lượng đào tạo KNM cao nhất với lần lượt 12.114 và 13.969 lượt. Cùng với sự gia tăng quy mô sinh viên đào tạo của Học viện là sự tin tưởng của sinh viên về chất lượng đào tạo, cũng như nhu cầu thiết yếu trong học các môn KNM của sinh viên đại học.

Khả năng của Trung tâm Đào tạo KNM, có thể đào tạo được 10 kỹ năng theo chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo: kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hội nhập, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc với các bên liên quan và nhiều các kỹ năng khác theo nhu cầu thực tế của sinh viên. Mặc dù vậy, có 3 kỹ năng được sinh viên có nhu cầu cao cũng như đăng ký nhiều nhất đó là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, các kỹ năng này lần lượt được sinh viên đăng ký học với 15.953 lượt, 11.949 lượt và 11394 lượt (Bảng 1).

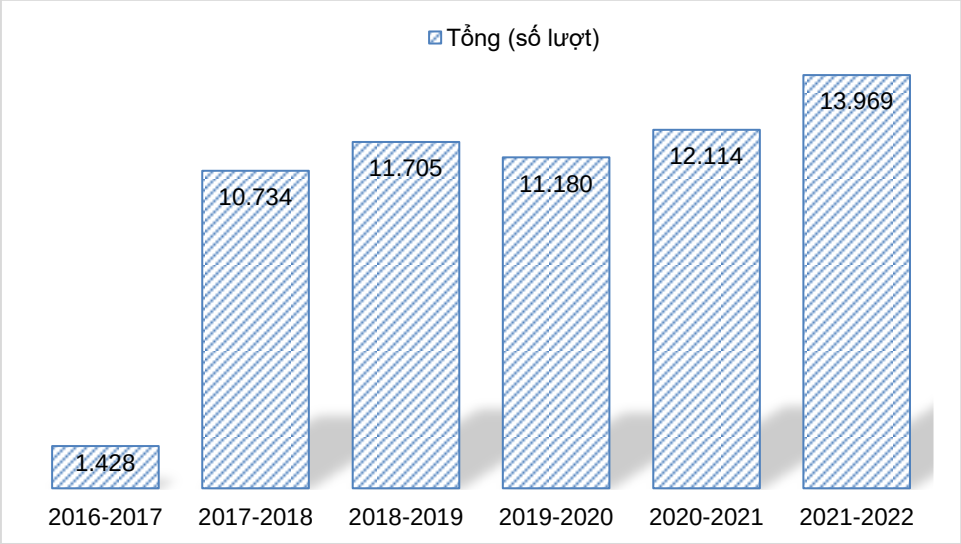


*Nguồn: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023).*

**Hình 1. Thực trạng số lượng đào tạo KNM giai đoạn 2016-2022**

**Bảng 1. Thực trạng đào tạo phân theo các KNM giai đoạn 2016-2022**

| Năm học | Chỉ tiêu | Kỹ năng bán hàng | Kỹ năng giao tiếp | Kỹ năng hội nhập | Kỹ năng khởi nghiệp | Kỹ năng làm việc nhóm | Kỹ năng lãnh đạo | Kỹ năng quản lý bản thân | Kỹ năng tìm kiếm việc làm | Kỹ năng thuyết trình | Tính chung |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2016-2017 | SL | 0 | 607 | 0 | 0 | 303 | 0 | 518 | 0 | 0 | 1.428 |
| | CC (%) | 0,00 | 3,80 | 0,00 | 0,00 | 2,54 | 0,00 | 6,57 | 0,00 | 0,00 | 2,34 |
| 2017-2018 | SL | 0 | 3021 | 1090 | 0 | 2103 | 1206 | 1511 | 1803 | 0 | 10.734 |
| | CC (%) | 0,00 | 18,94 | 16,98 | 0,00 | 17,60 | 20,36 | 19,15 | 15,82 | 0,00 | 17,56 |
| 2018-2019 | SL | 0 | 2411 | 1654 | 0 | 2469 | 1082 | 1684 | 2405 | 0 | 11.705 |
| | CC (%) | 0,00 | 15,11 | 25,77 | 0,00 | 20,66 | 18,26 | 21,34 | 21,11 | 0,00 | 19,15 |
| 2019-2020 | SL | 0 | 2945 | 1207 | 0 | 2305 | 1207 | 1207 | 2309 | 0 | 11.180 |
| | CC(%) | 0,00 | 18,46 | 18,80 | 0,00 | 19,29 | 20,37 | 15,30 | 20,27 | 0,00 | 18,29 |
| 2020-2021 | SL | 0 | 3602 | 1255 | 0 | 2411 | 1214 | 1221 | 2411 | 0 | 12.114 |
| | CC(%) | 0,00 | 22,58 | 19,55 | 0,00 | 20,18 | 20,49 | 15,48 | 21,16 | 0,00 | 19,82 |
| 2021-2022 | SL | 316 | 3367 | 1213 | 1088 | 2358 | 1215 | 1749 | 2466 | 197 | 13.969 |
| | CC(%) | 100,00 | 21,11 | 18,90 | 100,00 | 19,73 | 20,51 | 22,17 | 21,64 | 100,00 | 22,85 |
| Tính chung | | 316 | 15953 | 6419 | 1088 | 11949 | 5924 | 7890 | 11394 | 197 | 61.130 |

*Nguồn: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023).*

### *3.1.2. Thực trạng chất lượng đào tạo KNM tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*a. Đánh giá chất lượng đào tạo KNM từ kết quả học tập của sinh viên*

Tiêu chí kết quả học tập của sinh viên là một trong những tiêu chí chính đánh giá chất lượng đào tạo. Sau 6 năm đào tạo, qua số liệu về kết quả điểm của sinh viên (Bảng 2) cho thấy với 61.130 lượt sinh viên được đánh giá kết quả thì có 7097 lượt sinh viên không đạt yêu cầu, chiếm tỷ lệ tương ứng 11,60%, cùng với đó là 54.033 lượt sinh viên đạt yêu cầu chiếm tỷ lệ 88,4%. Đây được coi là chất lượng đáp ứng được yêu cầu. Đối với các sinh viên đạt yêu cầu môn KNM, số sinh viên đạt điểm B là cao nhất với

33.392 lượt, điểm A là 13.158 lượt, điểm C là 6.749 lượt và điểm D là 734 lượt tương ứng với tỷ lệ 54,62%; 21,52%; 11,04% và 1,2%.

Mặt khác, đánh giá điểm của sinh viên theo thang đo điểm hệ số 10 cho thấy kết quả điểm của sinh viên chủ yếu từ điểm 7 đến điểm 10, trong đó điểm 9 và điểm 10 có tần xuất cao nhất. Với quy luật thông thường, đề thi có sự phân loại năng lực sinh viên thì điểm sẽ tuân theo quy luật phân phối chuẩn. Dựa theo số liệu ở hình 1, nhận thấy điểm của sinh viên học KNM giai đoạn 2016-2022 không đạt theo phân phối chuẩn. Thêm vào đó, để kiểm tra số liệu điểm của sinh viên học KNM giai đoạn 2016-2022 có đạt theo phân phối chuẩn không, nghiên cứu sử dụng kiểm định Anderson-Darling với giả thuyết H0 số liệu điểm sinh viên học KNM tuân theo quy luật phân phối chuẩn hoặc tương đương. Kết quả kiểm định cho thấy A = 1.317,3; P-value < 2,2e-16, như vậy Giá trị A > 1 là cao, cho thấy dữ liệu không tuân theo phân phối chuẩn. Điều này có nghĩa là dữ liệu có sự khác biệt đáng kể so với một phân phối chuẩn. Do đó, trong quá trình đánh giá chất lượng học tập KNM cần thay đổi phương thức đánh giá và đề thi để có sự phân loại sinh viên được tốt nhất.

*b. Đánh giá chất lượng đào tạo KNM từ sinh viên*

Theo kết quả khảo sát của 493 sinh viên (Bảng 3) đã hoàn thành các KNM về việc ứng dụng KNM đã học được vào công việc và cuộc sống cho thấy 80% sinh viên đều đánh giá là đã hiểu về các nội dung được học của môn KNM. Tuy nhiên chỉ có 58,62% sinh viên đã hiểu và có ứng dụng các KNM vào thực tế, 2170% số sinh viên đã hiểu nhưng chưa có sự ứng dụng vào thực tế. Thêm vào đó, khoảng 20% số sinh viên còn chưa có sự hiểu rõ ràng về các nội dung đã học, dẫn đến không áp dụng vào thực tế. Như vậy theo yêu cầu của chuẩn đầu ra của các môn học KNM, sinh viên cần hiểu các nội dung của KNM và ứng dụng được vào cuộc sống, công việc. Do đó, đây là nội dung cần cải tiến phương pháp dạy cũng như nội dung môn học KNM để sinh viên có thể hiểu được nhanh hơn, đặc biệt là ứng dụng tốt hơn vào cuộc sống.

Khi đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về các học phần KNM có đến 78% số sinh viên hài lòng và rất hài lòng, cùng với đó 21,30% trả lời bình thường. Như vậy mức độ hài lòng của sinh viên với các học phần KNM là chưa đáp ứng được kỳ vọng, nguyên nhân có thể do phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ học tập… điều này sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần nhau nhưng cần có sự lưu tâm để cải tiến chất lượng đào tạo KNM trong giai đoạn tới.

*c. Đánh giá chất lượng đào tạo KNM của Học viện Nông nghiệp Việt Nam từ các tổ chức tuyển dụng sinh viên mới tốt nghiệp*

Chất lượng đào tạo KNM của HVN còn thể hiện qua khả năng làm việc, ứng dụng các kỹ năng học được vào công việc. Qua khảo sát 32 nhà tuyển dụng về việc áp dụng KNM vào làm việc của các lao động tốt nghiệp tại HVN cho thấy 25% đánh giá rằng biết áp dụng, còn số còn lại đánh giá 75% là bình thường (Hình 4). Như vậy cần có sự cải tiến trong việc thực hành, thực tế ứng dụng KNM vào công việc, cuộc sống. Phương pháp giảng dạy cần có sự ứng dụng nhiều hơn thay vì chỉ lý thuyết.

**Bảng 2. Thực trạng điểm của các kỹ năng của sinh viên giai đoạn 2016-2022**

| Kỳ học | A | Tỷ lệ | B | Tỷ lệ | C | Tỷ lệ | D | Tỷ lệ | F | Tỷ lệ | Tính tổng | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2016-2017 | 362 | 2,75 | 739 | 2,21 | 88 | 1,3 | 17 | 2,32 | 222 | 3,13 | 1.428 | 2,34 |
| 2017-2018 | 1.881 | 14,30 | 6.202 | 18,57 | 1.180 | 17,48 | 152 | 20,71 | 1.319 | 18,59 | 10.734 | 17,56 |
| 2018-2019 | 2.012 | 15,29 | 6.219 | 18,62 | 1.535 | 22,74 | 177 | 24,11 | 1.762 | 24,83 | 11.705 | 19,15 |
| 2019-2020 | 2.440 | 18,54 | 6.051 | 18,12 | 1.195 | 17,71 | 99 | 13,49 | 1.395 | 19,66 | 11.180 | 18,29 |
| 2020-2021 | 3.358 | 25,52 | 6.635 | 19,87 | 926 | 13,72 | 80 | 10,90 | 1.115 | 15,71 | 12.114 | 19,82 |
| 2021-2022 | 3.105 | 23,60 | 7.546 | 22,60 | 1.825 | 27,04 | 209 | 28,47 | 1.284 | 18,09 | 13.969 | 22,85 |
| Tính tổng | 13.158 | | 33.392 | | 6.749 | | 734 | | 7.097 | | 61.130 | |

*Nguồn: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023).*

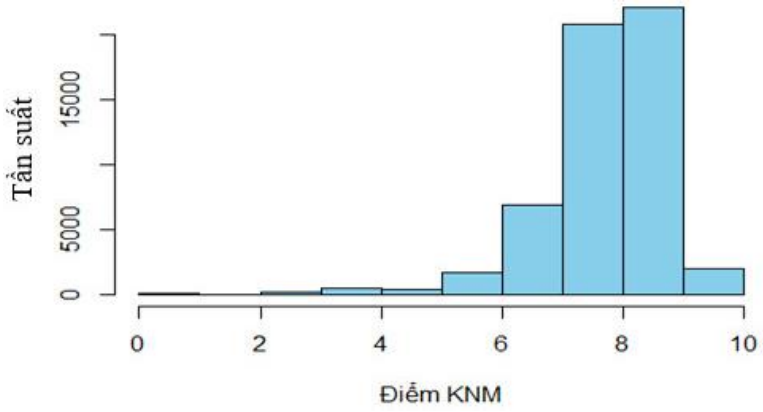


*Nguồn: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023).*

**Hình 2. Hình tần suất kết quả điểm của sinh viên học KNM giai đoạn 2016-2022**

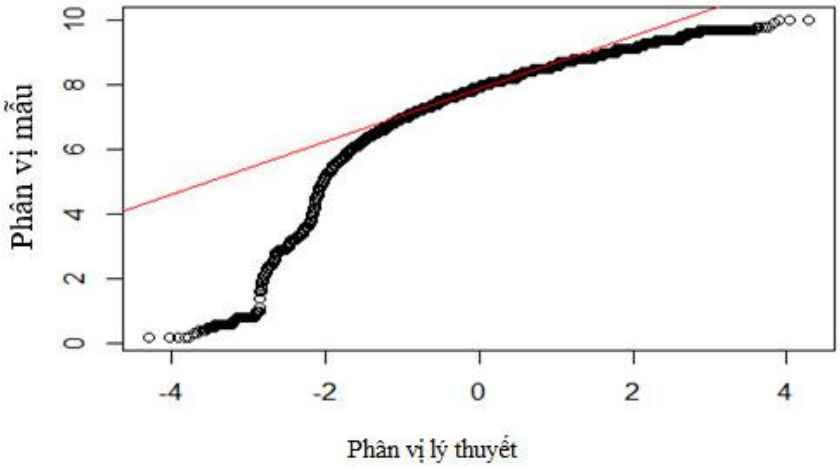


*Nguồn: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023).*

**Hình 3. Phân phối điểm KNM giai đoạn 2016-2022 so sánh với phân phối chuẩn**

*d. Đánh giá chất lượng đào tạo KNM từ giáo viên*

Để đánh giá chất lượng đào tạo KNM của HVN, cần có sự xem xét đa chiều. Giáo viên là người sâu sát nhất với sinh viên, là người đánh giá sinh viên về sự tiến bộ giữa trước và sau quá trình học, đây là một phần của chất lượng đào tạo KNM. Qua khảo sát cho thấy có đến 71,43% giáo viên đánh giá chất lượng tốt, 9,52% đánh giá chất lượng rất tốt (Hình 5). Tuy nhiên 19,05% đánh giá chất lượng bình thường, không có sự đánh giá chất lượng thấp và rất thấp, nhưng cũng cần có những giải pháp để cải tiến, giúp nâng cao chất lượng đào tạo KNM của Học viện từ đó sẽ nâng cao được mức đánh giá của giáo viên.

### 3.2. Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo KNM tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

#### *3.2.1. Nhận thức của sinh viên về vai trò của đào tạo KNM*

Yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả đào tạo KNM của sinh viên HVN đó chính là nhận thức của sinh viên về vai trò, tầm quan trọng của đào tạo KNM. Nếu sinh viên có nhận thức được tầm quan trọng của học KNM sẽ có thái độ học tập tốt hơn, kết quả thu được tốt hơn và chất lượng đào tạo sẽ được cải thiện.

Khi khảo sát các đối tượng sinh viên về tầm quan trọng của KNM, cũng như so sánh với kỹ năng cứng cho thấy chỉ có 37,11% (193

sinh viên) cho rằng KNM là quan trọng và tập trung đầu tư hoàn thiện KNM, còn lại 62,89% (300 sinh viên) sinh viên chỉ chú trọng phát triển kỹ năng cứng. Sinh viên trả lời về chú trọng phát triển KNM chủ yếu từ các ngành khối kinh tế xã hội. Sinh viên khối ngành kỹ thuật thường trả lời là chú trọng kỹ năng cứng hơn.

**Bảng 3. Đánh giá của sinh viên về kết quả ứng dụng KNM vào cuộc sống, công việc**

| Mức độ ứng dụng KNM | Số lượng | Cơ cấu |
|---|---|---|
| Đã hiểu, chưa có sự ứng dụng vào thực tế | 107 | 21,70 |
| Đã hiểu và từng ứng dụng những kỹ năng đó vào thực tế | 289 | 58,62 |
| Chưa có cơ hội ứng dụng vào thực tế | 97 | 19,68 |
| Tổng | 493 | 100 |

**Bảng 4. Đánh giá của sinh viên về các học phần KNM**

| Mức độ hài lòng về các học phần KNM | Số lượng | Cơ cấu |
|---|---|---|
| Rất hài lòng | 125 | 25,05 |
| Hài lòng | 263 | 53,35 |
| Bình thường | 105 | 21,30 |

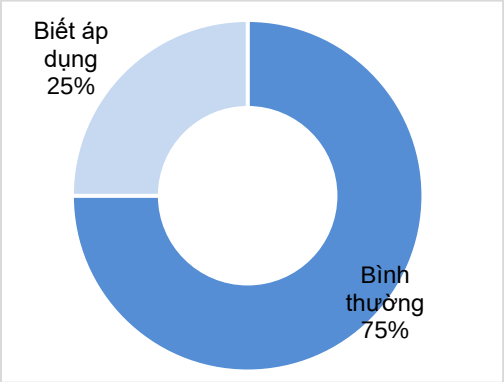


**Hình 4. Đánh giá của các nhà tuyển dụng về khả năng áp dụng KNM vào công việc của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

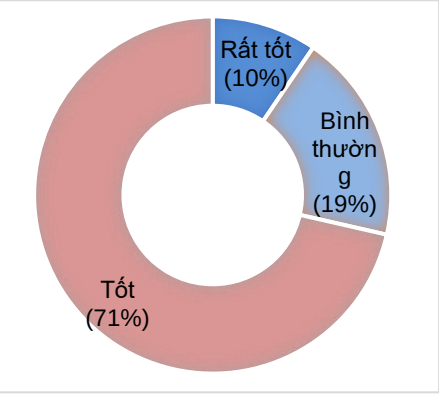


**Hình 5. Đánh giá của giáo viên về chất lượng đào tạo KNM**

KNM hiện tại là các học phần bắt buộc của chuẩn đầu ra chương trình đại học của HVN, tuy nhiên với mức độ quan tâm cao hơn thì hiệu quả học tập các KNM sẽ cao hơn và từ đó nâng cao hơn được chất lượng đào tạo. Qua khảo sát 493 sinh viên về nhận thức tầm quan trọng của học các KNM (Hình 6) cho thấy trên 70% số sinh viên quan tâm, và rất quan tâm tới học tập KNM. Mặc dù vậy, vẫn còn 28% số sinh viên phản hồi bình thường, như vậy mức quan tâm chưa cao, điều này trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả học tập, chất lượng đào tạo KNM. Trong thời gian tới cần có sự truyền thông, các cuộc thi thu hút các em cũng như nâng cao động lực học tập các môn KNM.

Từ nhận thức của sinh viên dẫn đến thái độ học tập của sinh viên về các môn học KNM, điều này cũng sẽ dẫn tới kết quả học tập thấp hay cao, quyết định hiệu quả đào tạo KNM của HVN. Qua đánh giá của giáo viên (Hình 7) cho thấy tỷ lệ ý thức sinh viên ở mức kém là 7,76%, mức bình thường 42,86%. Đây là cản trở lớn cho việc nâng cao chất lượng dạy và học KNM của HVN. Cần có các giải pháp tuyên truyền, tạo động lực để nâng cao hứng thú, nhận thức về tầm quan trọng của các môn KNM trong sinh viên.

### *3.2.2. Giáo viên và chương trình đào tạo*

Giáo viên và chương trình đào tạo là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo KNM. KNM không giống như giảng dạy các môn chuyên ngành, đòi hỏi giảng viên phải có khả năng truyền đạt và phương pháp giảng dạy cũng phải phù hợp để sinh viên có thể tiếp thu và thực hành tốt.

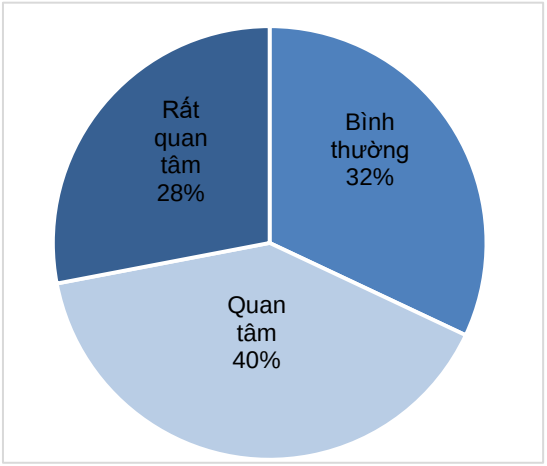


**Hình 6. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của học KNM**

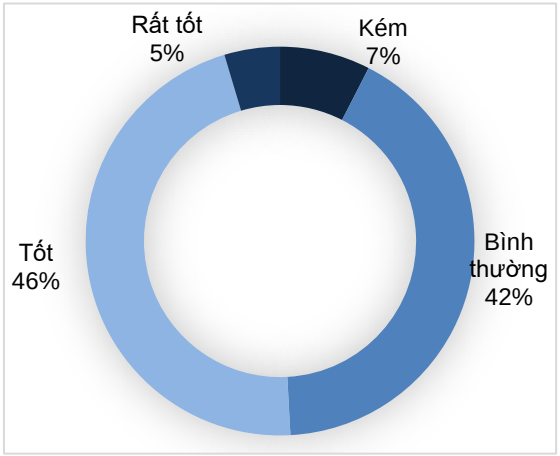


**Hình 7. Đánh giá của giáo viên về ý thức của sinh viên trong các lớp học KNM**

Với đặc thù hiện nay về tổ chức đào tạo, cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động, giảng viên giảng dạy các môn KNM chủ yếu từ các khoa chuyên môn như Kinh tế và Phát triển nông thôn, Kế toán và Quản trị kinh doanh, Du lịch và Ngoại ngữ, họ không được đào tạo chuyên sâu để giảng dạy KNM mà là các giảng viên dạy chuyên ngành được tập huấn để giảng dạy KNM. Vì vậy, theo đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy còn nặng về lý thuyết, chưa có nhiều thực tế, chưa ứng dụng được nhiều vào thực hành. Điều này chưa khơi dậy được nhiều đam mê của sinh viên trong học tập KNM, hạn chế khả năng ứng dụng vào thực tế. Để có thể mời được các chuyên gia có kinh nghiệm, khả năng thu hút được sinh viên trong học tập KNM thì cần có cơ chế tài chính phù hợp.

Theo số liệu đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy KNM của giảng viên, hiện tại khoảng 72% đánh giá phương pháp giảng dạy là phù hợp và 28% đánh giá là phương pháp giảng dạy chưa phù hợp. Tuy số liệu đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy đa số là phù hợp, nhưng với tỷ lệ đánh giá 28% phương pháp giảng dạy chưa phù hợp, là tương đối cao. Sinh viên có góp ý rằng giảng dạy các môn KNM cần đi sâu vào thực tiễn, các tình huống mô phỏng thực tế cũng như thông tin cập nhật. Sinh viên cũng đánh giá rằng một số giáo viên vẫn thiên về dạy lý thuyết, chưa có sự đổi mới trong phương pháp để cuốn hút sinh viên. Các chuyên gia được mời về giảng dạy KNM của Học viện cũng chưa thật sự chất lượng, chưa phải là những nhân tố truyền cảm hứng cho sinh viên. HVN cần có những thay đổi, sự đầu tư trong tập huấn các kỹ năng giảng dạy, phương pháp giảng dạy, cùng với đó là sự kiểm tra giám sát trong giảng dạy để đảm bảo chất lượng. Cùng với đó cần có cơ chế tài chính phù hợp để mời các chuyên gia KNM, những người có tầm ảnh hưởng lớn để truyền cảm hứng cho sinh viên, thu hút sinh viên tham gia học tập các môn KNM.

### *3.2.3. Cơ sở vật chất cho đào tạo KNM*

Cơ sở vật chất là điều kiện và phương tiện tất yếu để giảng viên và sinh viên có thể học tập và thực hành. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo, trong đó bao gồm phòng học, hội trường, thư viện, thiết bị thực hành, sân vườn… đặc biệt là các thiết bị kỹ thuật dạy học mà thiếu thốn, lạc hậu sẽ không đảm bảo được các điều kiện tối thiểu cho các lực lượng đào tạo trong trường hoạt động. Hiện nay, đào tạo KNM đòi hỏi một phòng học đặc trưng riêng như kết nối internet, máy tính, máy quay, máy ảnh, loa, míc, máy chiếu, bàn ghế phù hợp với học nhóm. Chính vì vậy, mức độ đầy đủ phù hợp và hiện đại của cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động tăng cường đào tạo nói chung và tăng cường đào tạo KNM nói riêng.

Theo đánh giá của sinh viên về các tiêu chí như phòng học rộng rãi, thoải mái khi ngồi học, ánh sáng phòng học tốt, bảng viết tốt, sinh viên nhìn rõ khi ngồi học bài, Dụng cụ học tập đầy đủ, phục vụ tốt cho quá trình học (có tranh ảnh, giấy A0, giấy màu, bút dạ,…); Projector tốt, sinh viên có thể nhìn rõ; loa tốt, sinh viên nghe rõ; Khoảng cách từ giảng đường tới đường giao thông là hợp lý, không ảnh hưởng bởi tiếng ồn, đa số sinh viên với trên 80% đều đồng ý và rất đồng ý với các ý kiến trên. Tuy nhiên đối với các hoạt động ngoài trời thì chưa có khu riêng, thiếu cơ sở vật chất, các hoạt động của kỹ năng bán hàng còn thiếu chỗ thực tập mô phỏng dẫn đến chất lượng hoạt động còn chưa cao.

### *3.2.4. Tài chính*

Tài chính có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo KNM. Nguồn tài chính và cơ chế phù hợp sẽ có thể mời được các giáo viên có chuyên môn cao về KNM về giảng dạy cũng như đầu tư cơ sở vật chất. Tuy nhiên, việc tăng học phí sẽ là gánh nặng cho sinh viên khi học các môn KNM. Hiện tại 54% số sinh viên đánh giá rằng mức học phí là phù hợp với khả năng của sinh viên. Bên cạnh đó, có khoảng 30% số sinh viên sẵn sàng trả mức học phí từ 300-500 nghìn đồng/tín chỉ để có thể nâng cao điều kiện học tập cũng như được học tập với các chuyên gia tốt. Sinh viên kỳ vọng rằng với mức học phí cao hơn sẽ được học ở phòng học có điều kiện tốt hơn, có đầy đủ thiết bị mô phỏng sát với thực tế, quy mô

sinh viên/lớp học phù hợp. Cùng với đó, sinh viên có thể học KNM với các chuyên gia, người có tầm ảnh hưởng lớn. Vì vậy, HVN cần điều chỉnh cơ chế tài chính phù hợp để có đủ nguồn lực giúp nâng cao chất lượng đào tạo KNM.

### 3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo KNM tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

#### *3.3.1. Nhóm giải pháp về chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá*

Để nâng cao chất lượng, về mặt chương trình đào tạo cần điều chỉnh phương pháp đánh giá, linh hoạt thay vì các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm như hiện tại ví dụ: sản phẩm video, clip, bài tiểu luận, thi vấn đáp, đóng phim, tình huống. Về nội dung, khoá học KNM không chỉ đào tạo chuyên sâu các kỹ năng theo chuẩn đầu ra mà xây dựng các khóa học tương đương, chuyên sâu dựa trên nhu cầu của sinh viên. Các khóa học này tập trung giảng dạy một kỹ năng cụ thể, để sinh viên có nhiều thời gian thực hành, thực tập tại cơ sở. Các khóa học có thể được quy đổi ngang bằng với các khóa học theo chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo để sinh viên có nhiều cơ hội lựa chọn các kỹ năng phù hợp với bản thân, để có định hướng phát triển tốt hơn sau khi ra trường.

Về tổ chức lớp học, cần đầu tư xây dựng phòng học lớn hơn để có nhiều diện tích cho thực hành, trải nghiệm hoạt động nhóm. Cùng với đó, điều chỉnh quy mô khoảng 30-40 sinh viên/ca học để tất cả sinh viên đều được thực hành chuyên sâu và được trải nghiệm nhiều hoạt động thực tiễn hơn.

#### *3.3.2. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất*

Để nâng cao hứng thú cho sinh viên học tập KNM và chất lượng đào tạo KNM Học viện cần đầu tư các phòng học chuyên sâu về KNM: trang bị mô hình, dụng cụ trực quan, máy ảnh, máy quay phim để sinh viên thực tập các kỹ năng chuyên sâu: giao tiếp, thuyết trình, dựng video,... Bên cạnh đó các khu học tập ngoài trời, địa điểm thực hành cho kỹ năng bán hàng cần được bố trí cảnh quan đẹp để học tập, giảng dạy tốt hơn.

#### *3.3.3. Nhóm giải pháp giảng viên, phương pháp giảng dạy*

Học viện cần tổ chức đào tạo chuyên sâu hơn cả về nhận thức, chuyên môn và phương pháp cho giảng viên tại các khoa chuyên môn. Việc dạy KNM vừa là khoa học vừa là nghệ thuật, người dạy vừa phải truyền đạt cho người học nắm bắt được các quy tắc, vừa phải giúp họ biết vận dụng một cách linh hoạt các quy tắc đó vào những tình huống cụ thể.

Những môn học liên quan đến KNM chịu ảnh hưởng lớn bởi tâm trạng của người dạy và người học. Vì vậy, giảng viên phải luôn chủ động, tâm trạng vui vẻ nhiệt tình mới có thể thu hút được sinh viên. Giảng viên cần chú ý hơn đến các yếu tố như ngoại hình, trang phục, cách nói năng, ứng xử. Phong cách năng động, sự thông minh, trải nghiệm của giảng viên có hiệu ứng rất lớn đối với sinh viên. Cùng với đó, giảng viên cũng cần chú ý khai thác tốt hơn nữa ngôn ngữ cơ thể để tiết học trở nên sinh động, lôi cuốn hơn.

#### *3.3.4. Nhóm giải pháp về chính sách, tài chính*

Để thu hút chuyên gia, diễn giả có ảnh hưởng lớn trong xã hội về đào tạo KNM tại HVN, cần có cơ chế chính sách về tài chính, hành chính phù hợp. Với nhu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo của sinh viên hiện tại, cũng như mức sẵn sàng chi trả, Học viện có thể cân nhắc điều chỉnh hệ số học phí tăng khoảng 1,2-1,3 lần so với hiện tại để cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giảng dạy.

#### *3.3.5. Các giải pháp khác*

Hiện tại nhận thức của sinh viên về học tập KNM còn chưa cao, vì vậy cần xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của KNM cho sinh viên thay vì học mang tính bắt buộc. Cùng với đó, kết hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Học viện tổ chức các hoạt động nâng cao KNM.

Việc giảng dạy KNM không những cần thiết cho sinh viên mà cũng cần có sự quan tâm của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, do đó HVN cần mở rộng kết nối với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi trải nghiệm thực tế trong các khóa học.

## 4. KẾT LUẬN

KNM là kỹ năng bắt buộc đối với người lao động. Các nhà tuyển dụng tuyển lao động không chỉ có các kỹ năng cứng tốt mà cũng cần có KNM tốt. Nhận thấy được tầm quan trọng của đào tạo KNM, HVN đã bắt đầu tổ chức đào tạo KNM từ năm 2016, đến nay đã có 61 nghìn lượt sinh viên được đào tạo các KNM. Chất lượng đào tạo đều được trên 70% nhà tuyển dụng, giáo viên, sinh viên đánh giá mức tốt trở lên. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo cũng đang gặp một số yếu tố gây cản trở như ý thức học tập của một số sinh viên còn chưa cao, phương pháp giảng dạy, đánh giá còn chưa hoàn toàn phù hợp, chất lượng cơ sở vật chất chưa đáp ứng được như kỳ vọng của sinh viên và giảng viên, cơ chế tài chính còn chưa thật sự được thông thoáng để thu hút các diễn giả uy tín cao. Vì vậy, cần có các giải pháp cải thiện về chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá, về cơ sở vật chất, về giáo viên giảng dạy, phương pháp giảng dạy, cũng như về chính sách, tài chính từ đó có thể nâng cao chất lượng đào tạo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023). Tổng hợp số liệu điểm của sinh viên các học phần KNM giai đoạn 2016-2022. Hà Nội.

Crosbie R. (2005). Learning the soft skills of leadership. Industrial and Commercial Training. 37(1): 45-51.

Guerra-Báez S. P. (2019). A panoramic review of soft skills training in university students. Psicologia Escolar e Educacional. 23: 10.

Kantrowitz T.M. (2005). Development and Construct Validation of a Measure of Soft Skills Performance, Doctor of Philosophy, Georgia Institute of Technology. 176p.

Mcmillan J.H. & Hearn J. (2008). Student self-assessment: The key to stronger student motivation and higher achievement. Educational horizons. 87(1): 40-49.

Nguyễn Bá Huân & Bùi Thị Ngọc Thoa (2018). Thực trạng và nhu cầu đào tạo KNM của sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, trường Đại học Lâm Nghiệp. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 6(6): 161-170.

Nguyễn Công Duy & Nguyễn Hoàng Trang (2021). Thực trạng đào tạo KNM cho sinh viên trên thế giới và tại Việt Nam. Xây dựng hệ thống công cụ đánh giá kết quả đào tạo KNM tại trường Đại học Tài chính - Marketing theo chuẩn đầu ra.

Nguyễn Thị Huyền Trang, Điêu Thị Tú Uyên & Nguyễn Huyền Anh (2022). Phát triển kĩ năng mềm cho sinh viên khoa Tiểu học - mầm non, Trường Đại học Tây Bắc qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Tạp chí Giáo dục. 22(7): 47-51.

Nguyễn Thị Kiều Nga & Huỳnh Thanh Vũ (2019). Thực trạng và giải pháp rèn luyện kĩ năng mềm cho sinh viên trường Cao đẳng Giao thông vận tải trung ương V. Tạp chí Giáo dục. 2(456): 15-20.

Trung tâm Đào tạo KNM (2018). Đề án chuẩn hóa đào tạo KNM tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam được Giám đốc Học viện ngày 23/04/2018. tr. 10.

Võ Như Tiến (2011). Kỷ yếu hội thảo khoa học nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ. Đại học Đà Nẵng, Trường Cao đẳng Công nghệ thành phố Đà Nẵng. 119(25).

World Health Organization (1994). Life skills education for children and adolescents in schools.. 2nd rev ed. Geneva: World Health Organization. Retrieved from https://iris.who.int/handle/10665/63552 on May 25, 2023.